

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỢT 1 NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1128/QĐ-TCĐN ngày 02 tháng 7 năm 2026)

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển			Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
									Môn 1	Môn 2	Tổng điểm			
1	T26CGK0056	Nguyễn Hoàng	Quang	10/12/2009	Nam	Kinh	Tân Hiệp, Xã Óc Eo, An Giang	Cắt gọt kim loại	7.6	8.0	15.6	2024	TT	
2	T26CNO0119	Đinh Gia	Bảo	26/04/2011	Nam	Kinh	23, Phú Hòa, Phường Vĩnh Thông, An Giang	Công nghệ ô tô	6.2	6.9	13.1	2026	TT	
3	T26CNO0011	Dương Hoàn	Đạt	11/03/2006	Nam	Kinh	72/7 trần nhật duật, bình nghĩa, Thị trấn Cái Dầu, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.2	6.9	14.1	2024	TT	
4	T26CNO0086	Phan Thành	Đạt	07/01/2011	Nam	Kinh	Hòa Long 1, Xã An Châu, An Giang	Công nghệ ô tô	5.4	7.2	12.6	2026	TT	
5	T26CNO0044	Trần Tiến	Đạt	30/03/2007	Nam	Kinh	Long Thuận, Xã Nhơn Mỹ, An Giang	Công nghệ ô tô	6.4	8.3	14.7	2022	TT	
6	T26CNO0065	Nguyễn Minh	Đăng	07/11/2010	Nam	Kinh	Lân Thạnh 2, Phường Tân Lộc, Thành phố Cần Thơ	Công nghệ ô tô	6.4	6.6	13.0	2022	TT	
7	T26CNO0047	Nguyễn Lê	Hòa	11/01/2010	Nam	Kinh	Qui Lân 6, Xã Thạnh Quới, Thành phố Cần Thơ	Công nghệ ô tô	7.3	8.2	15.5	2025	TT	
8	T26CNO0101	Phan Thành	Huy	21/07/2011	Nam	Kinh	Núi Voi, Phường Chi Lăng, An Giang	Công nghệ ô tô	5.9	6.9	12.8	2026	TT	
9	T26CNO0103	Nguyễn Quốc	Huy	16/12/2005	Nam	Kinh	Mỹ Phó, Xã Mỹ Đức, An Giang	Công nghệ ô tô	5.0	7.0	12.0	2020	TT	
10	T26CNO0045	Nguyễn Văn	Khang	21/06/1996	Nam	Kinh	An Thạnh, Xã Mỹ An Hưng, Đồng Tháp	Công nghệ ô tô	5.8	6.0	11.8	2013	TT	
11	T26CNO0046	Bùi Văn	Khôi	20/10/2003	Nam	Kinh	D2, Xã Thạnh An, Thành phố Cần Thơ	Công nghệ ô tô	5.9	5.7	11.6	2020	TT	
12	T26CNO0083	Trần Nguyễn Minh	Khôi	16/04/2009	Nam	Kinh	388, Đông Thịnh 6, Phường Long Xuyên, An Giang	Công nghệ ô tô	6.0	5.9	11.9	2026	TT	
13	T26CNO0018	Dương Tuấn	Kiệt	08/09/2007	Nam	Kinh	Ấp Mỹ Thuận, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	6.9	6.5	13.4	2026	TT	
14	T26CNO0064	Mai Cao	Kỳ	28/07/2007	Nam	Kinh	Vĩnh Thành, Xã Vĩnh An, An Giang	Công nghệ ô tô	4.5	8.2	12.7	2022	TT	
15	T26CNO0104	Hồ Quốc	Lộc	29/12/2011	Nam	Kinh	Mỹ Khánh 2, Xã Mỹ Hòa Hưng, An Giang	Công nghệ ô tô	8.8	7.4	16.2	2026	TT	
16	T26CNO0084	Nguyễn Hoài	Nam	22/06/2011	Nam	Kinh	Tây Bình C, Xã Phú Hòa, An Giang	Công nghệ ô tô	6.8	6.3	13.1	2026	TT	
17	T26CNO0102	Nguyễn Thành	Nghĩa	22/12/2011	Nam	Kinh	Thới Thạnh 1, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ	Công nghệ ô tô	6.9	8.3	15.2	2026	TT	
18	T26CNO0076	Đào Trọng	Nghĩa	24/10/2011	Nam	Kinh	Hưng Thuận, Xã Thạnh Mỹ Tây, An Giang	Công nghệ ô tô	6.8	8.9	15.7	2026	TT	
19	T26CNO0003	Trần Bảo	Nguyên	12/01/2006	Nam	Kinh	tổ3,ấp phú hiệp, Thị trấn Chợ Vàm, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.8	8.0	15.8	2021	TT	
20	T26CNO0082	Phạm Hoàng Minh	Nhật	04/11/2011	Nam	Kinh	334, Khóm H2, Xã Thạnh Quới, Thành phố Cần Thơ	Công nghệ ô tô	5.8	8.0	13.8	2026	TT	
21	T26CNO0048	Lê Bé	Sam	29/08/2003	Nam	Kinh	Sóc Túc, Xã Ba Chúc, An Giang	Công nghệ ô tô	5.9	6.6	12.5	2019	TT	
22	T26CNO0096	Đồng Nguyễn Nhật	Tân	26/07/2011	Nam	Kinh	Giồng Cát, Xã Vĩnh Gia, An Giang	Công nghệ ô tô	7.8	7.6	15.4	2026	TT	
23	T26CNO0049	Lê Hữu	Thịnh	18/05/2005	Nam	Kinh	An Thạnh, Xã An Phú, An Giang	Công nghệ ô tô	6.9	5.8	12.7	2020	TT	
24	T26CNO0120	Lê Tấn	Thuận	14/02/2011	Nam	Kinh	Thới Thạnh 1, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ	Công nghệ ô tô	6.3	5.8	12.1	2026	TT	
25	T26CNO0020	Nguyễn Huỳnh Minh	Thuận	14/07/2010	Nam	Khmer	Số nhà 182 đường Trần Hưng Đạo , Ấp 4, Thị trấn Tri Tôn, Tri Tôn, An	Công nghệ ô tô	5.3	6.2	11.5	2025	TT	
26	T26CNO0095	Trần	Tiến	28/07/2010	Nam	Kinh	492/25, Bình Thới 2, Phường Bình Đức, An Giang	Công nghệ ô tô	7.5	5.9	13.4	2025	TT	
27	T26CĐT0007	Nguyễn Trung	Hiếu	03/10/2009	Nam	Kinh	Số nhà 427, Ấp bình Trung 1, Xã Bình Thạnh Đông, Phú Tân, An Giang	Cơ điện tử	7.1	6.8	13.9	2024	TT	
28	T26CĐT0088	Lương Gia	Huy	22/10/2011	Nam	Kinh	Đông An, Xã Phú Hòa, An Giang	Cơ điện tử	5.3	5.0	10.3	2026	TT	
29	T26CĐT0053	Nguyễn Phú	Lộc	04/04/2002	Nam	Kinh	Tân Quới, Phường Long Xuyên, An Giang	Cơ điện tử	5.8	6.8	12.6	2018	TT	
30	T26CĐT0087	Dương Tuấn	Minh	06/09/2011	Nam	Kinh	1/15, Nguyễn Du, Phường Long Xuyên, An Giang	Cơ điện tử	4.7	6.7	11.4	2026	TT	
31	T26ĐCN0077	Hồ Điền Minh	An	24/07/2011	Nam	Kinh	Hòa Tây B, Xã Phú Hòa, An Giang	Điện công nghiệp	7.3	7.7	15.0	2026	TT	
32	T26ĐCN0110	Huỳnh Hải	Anh	24/06/2011	Nam	Kinh	Bình Thành, Xã Bình Mỹ, An Giang	Điện công nghiệp	6.3	8.3	14.6	2026	TT	
33	T26ĐCN0109	Trần Tuấn	Dương	12/03/2006	Nam	Kinh	Hòa Long 1, Xã An Châu, An Giang	Điện công nghiệp	5.7	3.3	9.0	2024	TT	
34	T26ĐCN0079	Nguyễn Phước	Huy	11/03/2011	Nam	Kinh	113/3, Khóm 4, Phường Long Xuyên, An Giang	Điện công nghiệp	4.6	8.0	12.6	2026	TT	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển			Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
									Môn 1	Môn 2	Tổng điểm			
35	T26ĐCN0070	Lê Gia	Huy	13/12/2007	Nam	Kinh	Long Mỹ 1, Xã Châu Thành, An Giang	Điện công nghiệp	7.3	7.5	14.8	2026	TT	
36	T26ĐCN0030	Nguyễn Anh	Kiệt	16/04/2005	Nam	Kinh	Mỹ Phước, Xã An Phú, An Giang	Điện công nghiệp	5.4	6.7	12.1	2021	TT	
37	T26ĐCN0071	Trần Gia	Lạc	03/11/2008	Nam	Kinh	Bình Đức 5, Phường Bình Đức, An Giang	Điện công nghiệp	7.0	6.7	13.7	2023	TT	
38	T26ĐCN0028	Nguyễn Bảo	Minh	12/09/2010	Nam	Kinh	Bình Khánh, Phường Bình Đức, An Giang	Điện công nghiệp	6.8	7.4	14.2	2025	TT	
39	T26ĐCN0108	Nguyễn Minh	Thắng	14/03/2010	Nam	Kinh	139, An Thạnh, Xã Lấp Vò, Đồng Tháp	Điện công nghiệp	5.0	4.5	9.5	2025	TT	
40	T26ĐCN0078	Bùi Minh	Tuấn	08/10/2005	Nam	Kinh	Châu Long 6, Phường Châu Đốc, An Giang	Điện công nghiệp	6.6	7.2	13.8	2021	TT	
41	T26HKT0074	Võ Thành	Phát	24/03/2008	Nam	Kinh	Mỹ Phú A, Xã Phụng Hiệp, Thành phố Cần Thơ	Họa viên kiến trúc	8.8	8.2	17.0	2024	TT	
42	T26KDN0008	Đình Trúc	Nhiên	18/06/2003	Nữ	Kinh	Tổ 18, Ấp Mỹ Khánh 2, Xã Mỹ Hoà Hưng, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.0	8.0	15.0	2021	TT	
43	T26KDN0093	Nguyễn Lê Anh	Thư	02/09/2003	Nam	Kinh	Khóm 3, Xã Tri Tôn, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.8	7.7	15.5	2019	TT	
44	T26KDN0051	Cù Dương Trung	Trúc	08/01/2007	Nam	Kinh	Châu Quới 3, Phường Châu Đốc, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.3	6.0	13.3	2022	TT	
45	T26KDN0052	Nguyễn Văn	Tý	20/05/2005	Nam	Kinh	Mỹ Hòa, Xã Nhơn Mỹ, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.6	7.7	14.3	2020	TT	
46	T26KDN0063	Phạm Thanh	Uyên	28/05/2007	Nữ	Kinh	Bình Khánh 7, Phường Long Xuyên, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.1	7.8	13.9	2022	TT	
47	T26KTL0068	Nguyễn Gia	Bảo	04/07/2011	Nam	Kinh	Khóm 7, Phường Long Xuyên, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.7	7.9	16.6	2026	TT	
48	T26KTL0041	Trần Gia	Bảo	20/02/2005	Nam	Kinh	Long An A, Phường Long Phú, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.6	8.2	16.8	2022	TT	
49	T26KTL0036	Nguyễn Thái	Dỹ	17/01/2005	Nam	Kinh	An Thái, Xã Hội An, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.7	5.6	13.3	2020	TT	
50	T26KTL0062	Dương Văn	Đạt	19/06/2005	Nam	Kinh	Phú Mỹ, Xã An Phú, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.5	6.7	15.2	2020	TT	
51	T26KTL0002	Phạm Lý	Hải	15/08/2005	Nam	Kinh	214/4, ấp Bình Quới, Xã Bình Phước Xuân, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An G	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.8	7.1	14.9	2023	TT	
52	T26KTL0042	Huỳnh Tú	Hải	23/09/2004	Nam	Kinh	Vĩnh Lợi, Xã Vĩnh Hanh, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.6	6.1	11.7	2019	TT	
53	T26KTL0031	Bùi Ngọc	Hậu	24/12/2008	Nam	Kinh	Hòa Long 1, Xã An Châu, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	4.6	7.1	11.7	2024	TT	
54	T26KTL0038	Nguyễn Hoàng	Huy	08/07/2005	Nam	Kinh	Long An, Xã Long Kiến, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	4.6	5.5	10.1	2020	TT	
55	T26KTL0099	Phạm Khả	Huy	12/05/2010	Nam	Kinh	870/7, Tây Khánh 6, Phường Long Xuyên, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.1	8.2	16.3	2024	TT	
56	T26KTL0117	Nguyễn Trung	Kiên	05/07/2011	Nam	Kinh	15/16 Trần Hưng Đạo, Thạnh An, Phường Mỹ Thới, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	3.9	5.4	9.3	2026	TT	
57	T26KTL0081	Đỗ Trung	Kiên	20/05/2010	Nam	Kinh	Khánh Mỹ, Xã Mỹ Đức, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.5	6.5	13.0	2026	TT	
58	T26KTL0040	Nguyễn Văn	Kiệt	24/07/2002	Nam	Kinh	Long Quới A, Phường Long Phú, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	3.9	6.1	10.0	2018	TT	
59	T26KTL0034	Đặng Phước	Lộc	02/02/2006	Nam	Kinh	Bình Phú, Xã Hội An, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	4.8	8.3	13.1	2021	TT	
60	T26KTL0080	Lê Văn	Lộc	11/05/2011	Nam	Kinh	Long Mỹ 1, Xã Nhơn Mỹ, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	4.6	7.1	11.7	2026	TT	
61	T26KTL0032	Nguyễn Ngọc	Lợi	30/07/2005	Nam	Kinh	Hòn Heo, Xã Sơn Hải, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.1	5.3	10.4	2020	TT	
62	T26KTL0061	Nguyễn Thanh	Luân	16/07/2005	Nam	Kinh	Tây Huê 3, Phường Long Xuyên, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.2	6.4	11.6	2021	TT	
63	T26KTL0033	Nguyễn Văn	Mỹ	18/02/2005	Nam	Kinh	An Bình, Xã Hội An, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.5	7.4	12.9	2020	TT	
64	T26KTL0043	Nguyễn Hoàng	Nam	09/10/2004	Nam	Kinh	Tân Huệ, Xã Óc Eo, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.4	8.4	15.8	2019	TT	
65	T26KTL0035	Nguyễn Hoàng	Phúc	09/01/2006	Nam	Kinh	Long An B, Phường Long Phú, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.3	8.2	15.5	2022	TT	
66	T26KTL0105	Võ Phú	Quý	17/02/2004	Nam	Kinh	Hưng Thới 2, Xã Phú Tân, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.5	7.2	13.7	2019	TT	
67	T26KTL0100	Trần Quốc	Quy	22/01/2010	Nam	Kinh	Vĩnh Lân, Xã Vĩnh Trinh, Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	4.0	6.1	10.1	2025	TT	
68	T26KTL0069	Trần Phước	Sang	01/03/2011	Nam	Kinh	18/24, Trung Thạnh, Phường Mỹ Thới, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.8	6.1	12.9	2026	TT	
69	T26KTL0010	LÊ NGUYỄN MINH	THẮNG	04/12/2007	Nam	Kinh	Hòa bình 3, Xã Hoà Lạc, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.6	8.3	16.9	2025	TT	
70	T26KTL0037	Cao Hồng	Tì	22/07/2005	Nam	Kinh	Hòa Phú II, Xã An Châu, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.2	8.2	14.4	2020	TT	
71	T26KTL0039	Ngô Minh	Tiến	14/07/2007	Nam	Kinh	Tây An, Xã Thạnh Mỹ Tây, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.1	6.2	11.3	2022	TT	
72	T26KTL0107	Nguyễn Cao	Tiến	04/07/2011	Nam	Kinh	540/5A, Tây Khánh 3, Phường Long Xuyên, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	4.5	5.2	9.7	2026	TT	
73	T26KTL0106	Phạm Giang	Trường	02/05/2011	Nam	Kinh	Ấp 7, Xã Cái Ngang, Vĩnh Long	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.9	6.3	14.2	2026	TT	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển			Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
									Môn 1	Môn 2	Tổng điểm			
74	T26KTL0098	Trương Quốc	Việt	22/11/2003	Nam	Kinh	Tấn Thạnh, Xã Cù Lao Giêng, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.4	5.5	11.9	2018	TT	
75	T26KLR0004	Nguyễn Hải	Đảng	27/03/2006	Nam	Kinh	227 / tổ 08, Thạnh Hòa, Xã Thạnh Mỹ Tây, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.0	7.9	14.9	2021	TT	
76	T26KLR0116	Huỳnh Tấn	Lợi	07/08/2011	Nam	Kinh	Hòa Phú 3, Xã An Châu, An Giang	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5.3	5.7	11.0	2026	TT	
77	T26KLR0058	Nguyễn Thiện	Nhân	12/06/2007	Nam	Kinh	Đông Thạnh B, Phường Mỹ Thới, An Giang	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5.5	6.6	12.1	2022	TT	
78	T26KLR0090	Trương Việt	Thắng	26/07/2010	Nam	Kinh	Vĩnh Thới, Xã Vĩnh Hanh, An Giang	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	4.4	5.6	10.0	2025	TT	
79	T26KXD0075	Huỳnh Hoàng	Nghiêm	12/09/2007	Nam	Kinh	Bình Hưng 1, Xã Bình Mỹ, An Giang	Kỹ thuật xây dựng	4.3	4.5	8.8	2022	TT	
80	T26LĐC0067	Nguyễn Tấn	Khoa	18/04/2011	Nam	Kinh	Phú Thạnh, Xã Tây Phú, An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	3.5	4.6	8.1	2026	TT	
81	T26LĐC0089	Nguyễn Hiếu Trung	Nhân	22/12/2011	Nam	Kinh	Thạnh Nhơn, Xã Bình Hòa, An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5.9	5.5	11.4	2026	TT	
82	T26LĐC0097	Nguyễn Hòa	Như	06/02/2006	Nam	Kinh	Giồng Cát, Xã Vĩnh Gia, An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6.7	6.1	12.8	2021	TT	
83	T26LĐC0066	Lâm Phước	Sanh	14/07/2011	Nam	Kinh	Phú Thuận, Xã Tây Phú, An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5.0	5.4	10.4	2026	TT	
84	T26NNH0112	Nguyễn Xuân	Khánh	17/12/2011	Nữ	Kinh	Đông Thịnh 8, Phường Long Xuyên, An Giang	Nghiệp vụ nhà hàng	9.7	8.1	17.8	2026	TT	
85	T26NNH0113	Bùi Ngọc	Ngân	13/03/2011	Nữ	Kinh	Mỹ An 1, Xã Mỹ Hòa Hưng, An Giang	Nghiệp vụ nhà hàng	5.0	5.0	10.0	2026	TT	
86	T26NNH0073	Huỳnh Thanh	Phong	31/10/2008	Nam	Kinh	An Lạc, Xã Long Kiến, An Giang	Nghiệp vụ nhà hàng	6.0	6.8	12.8	2023	TT	
87	T26NNH0111	Phan Thị Thu	Thảo	04/12/2007	Nữ	Kinh	20P3, Đông Thịnh 6, Phường Long Xuyên, An Giang	Nghiệp vụ nhà hàng	5.6	6.5	12.1	2022	TT	
88	T26NNH0094	Nguyễn Thị Thùy	Trang	03/01/2005	Nữ	Kinh	Bình Khánh4, Phường Bình Đức, An Giang	Nghiệp vụ nhà hàng	6.5	6.5	13.0	2021	TT	
89	T26QKS0118	Ngô Đại	An	30/03/2011	Nam	Kinh	810A/41, Bình Đức 2, Phường Bình Đức, An Giang	Quản trị khách sạn	5.4	6.3	11.7	2026	TT	
90	T26QKS0059	Phan Văn Minh	Nhật	23/10/2008	Nam	Kinh	Hiệp Thạnh, Xã Bình Thạnh Đông, An Giang	Quản trị khách sạn	7.8	8.8	16.6	2023	TT	
91	T26QKS0050	Trần Ngọc Như	Ý	14/02/2009	Nữ	Kinh	Bình Đức 5, Phường Bình Đức, An Giang	Quản trị khách sạn	7.3	8.3	15.6	2024	TT	
92	T26KĐH0092	Dương Vũ	Bạch	09/02/2000	Nam	Kinh	Tấn Bình, Xã Cù Lao Giêng, An Giang	Thiết kế đồ họa	6.3	7.8	14.1	2015	TT	
93	T26KĐH0072	Nguyễn Thanh	Huy	10/03/2002	Nam	Kinh	Bình Khánh, Phường Bình Đức, An Giang	Thiết kế đồ họa	8.6	6.1	14.7	2018	TT	
94	T26KĐH0054	Lương Tấn	Tài	18/06/2005	Nam	Kinh	Vĩnh Tiến, Xã Châu Phú, An Giang	Thiết kế đồ họa	5.3	7.3	12.6	2020	TT	
95	T26KĐH0025	Đỗ Thanh	Tòng	13/03/2008	Nam	Kinh	Ấp Phú Thuận A , Xã Phú Lâm, An Giang	Thiết kế đồ họa	4.9	6.4	11.3	2023	TT	
96	T26KĐH0091	Nguyễn Hồ Bảo	Trâm	07/02/2009	Nữ	Kinh	Bình Quý, Xã Bình Mỹ, An Giang	Thiết kế đồ họa	4.6	5.3	9.9	2024	TT	
97	T26KĐH0005	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	01/06/2004	Nữ	Kinh	Khóm An Thới, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang	Thiết kế đồ họa	7.7	7.2	14.9	2023	TT	
98	T26TUD0060	Nguyễn Trọng	Bình	22/11/2010	Nam	Kinh	Hòa Tây A, Xã Phú Hòa, An Giang	Tin học ứng dụng	5.9	7.9	13.8	2025	TT	
99	T26TUD0055	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	07/07/2006	Nữ	Kinh	Nhơn Ngãi, Xã Nhơn Mỹ, An Giang	Tin học ứng dụng	5.3	6.3	11.6	2021	TT	
100	T26TUD0114	Huỳnh Minh	Phước	17/11/2011	Nam	Kinh	175/16e, Mỹ Thọ, Phường Long Xuyên, An Giang	Tin học ứng dụng	5.0	5.6	10.6	2026	TT	
101	T26TUD0115	Nguyễn Thanh	Tuyền	02/05/2009	Nam	Kinh	Tân Thạnh, Xã Cô Tô, An Giang	Tin học ứng dụng	6.2	5.9	12.1	2024	TT	

Tổng cộng danh sách có 101 học sinh trúng tuyển.

DANH SÁCH KHÔNG TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1128/QĐ-TCDN ngày 02 tháng 7 năm 2026)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển			Năm Tốt nghiệp	Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Tổng điểm		
1	Mai Tấn Nghĩa	05/07/2005	Nam	Kinh	Đông Châu, Xã Cù Lao Giêng, An Gia	Công nghệ ô tô	0.0	0.0	0.0	2020	
2	Phù Minh Hoàng	28/08/2010	Nam	Kinh	Búng Gội, Đặc khu Phú Quốc, An Gia	Công nghệ ô tô	4.2	3.6	7.8	2026	

Tổng cộng danh sách có 02 học sinh không trúng tuyển.